TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05/01/2018
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thế Viễn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thành Viên
Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Lê Quỳnh Thư - cán bộ Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai, vụ án dân sự thụ lý số 904/2017/TLST-HNGĐ, Ngày 04 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 26/2016/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017.

Nguyên đơn: Ông Trần Văn B, sinh năm 1970; địa chỉ: Số M đường B (số cũ 37/257C P), Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Kim D, sinh năm 1977; địa chỉ: Số M đường B (số cũ 37/257C P), Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 6 năm 2017, bản tự khai, qua các lần làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Trần Văn B trình bày: Ông Trần Văn B với bà Huỳnh Thị Kim D tự nguyện chung sống từ năm 1996 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận kết hôn số 37 quyển số 01/96 ngày 04 tháng 6 năm 1996. Ông B và bà D có 03 người con chung tên là Trần Huỳnh Bảo N, sinh ngày 13 tháng 01 năm 1997 đã trưởng thành; Trần Huỳnh Ngọc M, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2008 và Trần Huỳnh Ngọc N, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2004. Mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, đã ly thân được mấy năm nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa ông và bà D không còn, ông yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn với bà D để ổn định cuộc sống.

Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông B yêu cầu:

- Về con chung: Ông B xin là người trực tiếp nuôi con 02 con chưa thành niên là Trần Huỳnh Ngọc M, Trần Huỳnh Ngọc N và ông không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho đương sự, triệu tập ông B, bà D để ghi bản tự khai, tham gia phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà D đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, ông B vẫn xin được giải quyết ly hôn. Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017 và Giấy triệu tập để triệu tập bà D tham gia phiên tòa, nhưng trong phiên tòa ngày 08/12/2017 bà D vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên Toà hôm nay bà D vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2017/QĐST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2017 và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn xin được giải quyết ly hôn theo nội dung đã trình bày là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng:

[3] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số Giấy chứng nhận kết hôn số 37 quyển số 01/96 ngày 04 tháng 6 năm 1996 của Ủy ban nhân dân phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Kim D đã xác định quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà D là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Yêu cầu xin ly hôn của ông B đối với bà D là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Căn cứ vào các biên bản tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017 và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2017/QĐST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2017 và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa thì Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Huỳnh Thị Kim D tới tham gia phiên tòa nhưng bà D vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Dung.

[6] Về nội dung:

[7] Đối với yêu cầu ly hôn của ông B thì Hội đồng xét xử nhận thấy:

[8] Ông B yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn, theo nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không còn tình cảm, có mâu thuẫn trầm trọng giữa vợ và chồng, vợ chồng ly thân đã lâu. Tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông B và bà D cũng đã được Tòa án xác minh tại địa phương thì đúng như ông B trình bày tại Tòa án. Tòa đã lấy ý kiến của hai con chung của ông B và bà D thì các con chung đều có nguyện vọng được ở cùng ông B nếu ông B và bà D ly hôn. Như vậy cho thấy thực tế vợ chồng không còn thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56, Điều 57 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thấy rằng nên chấp nhận giải quyết cho ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

[9] Do bị đơn không tới Tòa án giải quyết nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà D, nhưng tại phiên tòa ông B khai bà D có nhận được văn bản triệu tập của Tòa án, có biết việc ông yêu cầu ly hôn, nhưng bà D nói không tới Tòa để tham gia tố tụng, ông B yêu cầu ly hôn thì việc giải quyết vụ án cứ theo quy định của pháp luật.

[10] Từ những nhận định như trên Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết cho ông B được ly hôn với bà D, cụ thể như sau:

[11] Về hôn nhân: Ông B được ly hôn với bà D, quan hệ hôn nhân chấm dứt khi có bản án có hiệu lực của Tòa án.

[12] Về con chung: Ông B xin là người trực tiếp nuôi con 02 con chưa thành niên và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

[13] Về tài sản chung: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[14] Về nợ chung: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[15] Ông B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng).

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 203, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1/- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Ông Trần Văn B được ly hôn với bà Huỳnh Thị Kim D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 37 quyển số 01/96 ngày 04 tháng 6 năm 1996 của Ủy ban nhân dân phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Kim D hết hiệu lực, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ - Về con chung: Con chung tên là Trần Huỳnh Bảo N, sinh ngày 13 tháng 01 năm 1997 đã trưởng thành. Giao cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên là Trần Huỳnh Ngọc M, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2008 và Trần Huỳnh Ngọc N, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2004, ghi nhận việc ông B không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Bà D được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở quyền này của bà D. Nếu bà D lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của bà D.

Vì quyền lợi mọi mặt của con chung, khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3/- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

4/- Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) ông B phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) ông B đã tạm nộp án phí theo biên lai số AA/2016/0018965 ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Ông B đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5/- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND q. G;
- THA DS q. G;
- UBND p H, q G, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên, đóng dấu)

Hoàng Thế Viễn